

Số: 04/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh,
ngân sách cấp xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của
Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05
năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch
tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân
sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định
phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu
giữa các cấp ngân sách theo mô hình chính quyền 02 cấp năm 2025 trên địa bàn
tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2025*

của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức chính trị, các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ nhà nước giao.
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Áp dụng Nghị quyết

1. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
2. Trường hợp các điều trong Nghị quyết có quy định khác với quy định của Luật và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên thì áp dụng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chương II **PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA** **CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, CẤP XÃ**

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Thuế giá trị gia tăng từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh, trừ các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch

vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí và thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa nhập khẩu.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu).

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu.

4. Thuế bảo vệ môi trường (ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tỷ lệ của trung ương); thuế vãng lai của các nhà thầu thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản do cấp tỉnh quản lý.

5. Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

6. Thuế thu nhập cá nhân bao gồm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân về hoa hồng các đại lý xổ số kiến thiết, bảo hiểm, chuyển nhượng chứng khoán, trúng thưởng, chuyển nhượng vốn (loại trừ chuyển nhượng chứng khoán, thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất), từ đầu tư vốn của cá nhân, tiền lương, tiền công.

7. Thuế tài nguyên do cấp tỉnh quản lý (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí do trung ương hưởng theo quy định).

8. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền cơ quan nhà nước địa phương cấp phép do địa phương thực hiện thu.

9. Tiền cho thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển do cấp tỉnh quản lý và các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (không kể tiền cho thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

10. Tiền cho thuê đất và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

11. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán, xổ số lô tô tự chọn.

12. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

13. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

14. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của cấp tỉnh tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

15. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh.

16. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

17. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

18. Lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do cấp tỉnh quản lý thu (loại trừ lệ phí môn bài thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và lệ phí môn bài thu từ cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh ở cấp xã).

19. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

20. Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

21. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các đơn vị do cấp tỉnh quản lý theo quy định.

22. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

23. Thu tiền chậm nộp tiền, thu tiền phạt phát sinh từ các khoản thu phân cấp cho ngân sách tỉnh thu.

24. Huy động đóng góp tự nguyện từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

25. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

26. Thu bổ sung cân đối ngân sách, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

27. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

28. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

29. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.

30. Thu từ hỗ trợ của tỉnh khác cho công tác phòng chống thiên tai dịch bệnh và hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Các khoản phí, lệ phí do cấp xã thực hiện thu theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí môn bài đối với cá nhân, hộ kinh doanh do xã, phường quản lý.

3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp, phí nông nghiệp thu từ tổ chức, cá nhân, hộ gia đình do xã, phường quản lý.

4. Tiền cho thuê và thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã quản lý.

5. Thu từ tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức thuộc cấp xã xử lý, sau khi trừ đi chi phí theo quy định.

6. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện.

7. Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích, quỹ đất công.

8. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định.

9. Tiền đền bù thiệt hại đất thuộc cấp xã quản lý.

10. Các khoản huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

11. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ngoài nước trực tiếp cho xã, phường theo chế độ quy định.

12. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

13. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

14. Thu bổ sung cân đối, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

15. Thu tiền chậm nộp ngân sách cấp xã được hưởng theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

16. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

17. Thu từ hỗ trợ của xã, phường khác cho công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

18. Các khoản thu khác trên địa bàn xã, phường thuộc cấp xã quản lý.

Điều 6. Các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

1. Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

2. Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh, từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (trừ thuế thu nhập cá nhân từ các hoạt động sản xuất kinh doanh cá nhân, hộ kinh doanh về hoa hồng các đại lý xổ số kiến thiết, bảo hiểm).

3. Lệ phí trước bạ nhà, đất.

4. Ngân sách cấp xã hưởng 100% đối với các khoản thu tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Chương III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 7. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương do cấp tỉnh quản lý;

d) Chi bổ sung vốn điều lệ quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý; các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh quản lý.

2. Chi thường xuyên của cấp tỉnh

a) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

c) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình cấp tỉnh: bao gồm bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

e) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

g) Chi sự nghiệp thể dục - thể thao do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

i) Chi sự nghiệp kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, trạm kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến nông; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên: điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cấp tỉnh quản lý;

- Chi cho công tác các loại quy hoạch do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đề án; thương mại, du lịch do cấp tỉnh quản lý;

- Chi sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật;

k) Chi đảm bảo xã hội do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật;

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thuộc do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do ngân sách cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

7. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

8. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c theo khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 8. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Luật số 56/2024/QH15 2024;

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của cấp xã theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp xã quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cấp xã quản lý;

b) Sự nghiệp quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp xã quản lý bảo đảm theo quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

c) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý;

d) Sự nghiệp đảm bảo xã hội do cấp xã quản lý;

- đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
- e) Sự nghiệp văn hóa - thông tin do cấp xã quản lý;
- g) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp xã quản lý;
- h) Sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý;
- i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý;
- k) Hoạt động của các cơ quan nhà nước do cấp xã quản lý;

l) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam do cấp xã quản lý;

m) Hỗ trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

- 3. Chi chuyển nguồn năm sau của ngân sách cấp xã.
- 4. Chi nộp ngân sách cấp trên.
- 5. Chi huy động đóng góp.
- 6. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

- 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.
- 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.
- 4. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022;
 - b) Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa

ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022;

c) Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2022 - 2025;

d) Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2022 - 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2).

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương